

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HS-ST
Ngày 08 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Dũng

Bà Quách Thị Hoàng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Phạm Văn T; sinh ngày 29 tháng 7 năm 1991; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: **Khu phố H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Phạm Văn B**; con bà: **Bùi Thị D**; có vợ là **Phạm Thị H** và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2024 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Cháu **Bùi Việt H1** (Đã chết)

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Anh **Bùi Văn D1**; sinh năm: 1983; nơi cư trú: **Thôn B, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Là bố đẻ của bị hại. Vắng mặt.

2. Chị **Phạm Thị C**; sinh năm: 1984; nơi cư trú: **Thôn B, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Là mẹ đẻ của bị hại. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Ông **Phạm Văn T1**; sinh năm: 1967; nơi cư trú: **Thôn B, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Có mặt.

2. Anh **Phạm Văn K**; sinh năm: 1972; nơi cư trú: **Thôn B, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Có mặt.

3. Chị **Phạm Thị H**; sinh năm: 1991; nơi cư trú: **Khu phố H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ ngày 07/02/2024, **Phạm Văn T**, trú tại **khu phố H, thị trấn N, huyện N** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36K5-045.23 trên đường liên xã theo hướng từ **xã C, huyện N** đi **xã M, huyện N**. Khi đến địa phận thuộc **thôn B, xã M, huyện N**, **Phạm Văn T** điều khiển xe mô tô lấn sang phần đường của xe đi ngược chiều và chạm với xe mô tô biển kiểm soát 36K5-363.43 do cháu **Bùi Việt H1**, sinh ngày 09/8/2006, trú tại **thôn B, xã M, huyện N** điều khiển đang đi theo hướng ngược chiều, làm xe và cháu **H1** ngã xuống đường bị thương và chết trên đường đi cấp cứu.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường là đoạn đường liên xã thuộc **thôn B, xã M, huyện N**, được trải nhựa bằng phẳng, hơi cong cua, không có vạch kẻ phân chia làn đường. Lòng đường rộng 05m; phần đất lưu không bên phải rộng 1,4m; phần đất lưu không bên trái rộng 1,6m theo hướng từ **UBND xã M** đi **xã C**. Mặt đường có vết cà cắt quãng số (1) dài 2,13m; khoảng cách từ cuối vết cà (1) đến đầu vết cà không liên tục số (2) là 0,2m được ghi nhận trong Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường.

Kết luận giám định tử thi số 676/KLGĐTT-PC09 ngày 23/02/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận:

“1.1. Kết quả khám nghiệm:

- Các vết rách da, xây xước da, bầm tụ máu tại vùng: Đầu, mặt, vai, tay trái, hai chân.

- Gãy xương hàm trên bên trái.

- Gãy xương hàm dưới hai bên.

- Tụ máu tổ chức dưới da đầu vùng đỉnh trái.

- Tụ máu lan toả màng mềm.

2.1. Kết luận nguyên nhân chết: Đa chấn thương”.

Kết luận giám định số 866/KL-KTHS ngày 05/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: “Mẫu máu của **Bùi Việt H1**, sinh năm 2006, ở **thôn B, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** niêm phong gửi giám định không có còn”.

Kết luận giám định hóa pháp số 559/PY-XNĐH ngày 29/02/2024 của Viện pháp y Quân đội Cục Quân Y kết luận: Không tìm thấy các chất ma túy nêu trên trong mẫu máu của **Bùi Văn H1**.

Kết luận giám định số 986/KL-KTHS ngày 11/3/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

“1. Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện: Mặt trước ngoài phần dưới giảm xóc trước bên trái, đầu bên trái trục trước xe mô tô BKS 36K5-045.23 (ảnh 5 đến 8) mặt lắn, má trái lớp trước (tương ứng đầu hàng chữ “INOUE”) xe mô tô BKS 36K5-363.43 (ảnh 18, 19).

2. Tại thời điểm xảy ra va chạm hai phương tiện chuyển động ngược chiều.

3. Vị trí va chạm giữa hai phương tiện nằm trong khoảng giữa đầu vết cà cắt quãng số (1) đến đầu vết cà cắt quãng số (5) được ghi nhận trong biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, thuộc bên phải phần đường theo chiều từ UBND xã M đi xã C.

4. Không đủ cơ sở xác định tốc độ của các phương tiện tại thời điểm xảy ra va chạm.”

Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 28/3/2024 của Hội đồng định giá UBND huyện N kết luận:

“Tổng giá trị của tài sản tại thời điểm ngày 07/02/2024 (làm tròn): 11.666.000đ (Mười một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), chi tiết như sau:

- Các bộ phận bị hư hỏng của xe mô tô BKS 36K5-045.23: 5.619.000đ (Năm triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng).

- Các bộ phận bị hư hỏng của xe mô tô BKS 36K5-363.43: 6.047.000đ (Sáu triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng)”.

Tại Phiếu đo nồng độ cồn số Seri E3006817 ngày 07/02/2024 của Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện N, tỉnh Thanh Hóa: Kết quả do (BrAC) đối với Phạm Văn T là 0,273mg/L.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS-NL ngày 22 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện N, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Phạm Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS: xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét; trả lại 01 (Một) Giấy phép lái xe số 380094004541 cho bị cáo; bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và không có tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát.

Người đại diện hợp pháp của bị hại chị **Phạm Thị C** và người làm chứng đều thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của Viện kiểm sát.

Trong quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp của bị hại anh **Bùi Văn D1** thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của Viện kiểm sát.

Người đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) do bị cáo tự nguyện bồi thường, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở chứng minh: Khoảng 17 giờ ngày 07/02/2024, **Phạm Văn T** trong tình trạng có sử dụng rượu mà trong hơi thở có nồng độ cồn 0,273mg/L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36K5-045.23 trên đường liên xã theo hướng từ **xã C, huyện N đi xã M, huyện N** đến địa phận **thôn B, xã M, huyện N** điều khiển xe mô tô không chú ý quan sát, lấn sang phần đường của xe đi ngược chiều, va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 36K5-363.43 do cháu **Bùi Việt H1** điều khiển đang đi theo hướng ngược chiều, làm cháu **H1** ngã xuống đường bị thương và chết. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 8; khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ làm chết người. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 BLHS.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có 03 tình tiết giảm nhẹ: bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS và 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; ngoài lần phạm tội này, luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên chưa cần cách ly khỏi xã hội mà cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo thành người công dân tốt là phù hợp với Điều 65 BLHS.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[7] Về vật chứng, tài liệu: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

01 (Một) Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave ALPHA, biển kiểm soát 36K5-363.43, màu sơn: Xanh – đen – bạc; 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 36 009084 của xe mô tô biển kiểm soát 36K5-363.43 đứng tên **Phạm Thị C**; 01 (Một) Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, biển kiểm soát 36K5-045.23; 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 005601 của xe mô tô biển kiểm soát 36K5-045.23 đứng tên **Phạm Văn T**; 01 (Một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô - xe gắn máy số AA25/0475334 của xe mô tô biển kiểm soát 36K5-045.23 đứng tên **Phạm Văn T**. Sau khi định giá tài sản, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô, Giấy chứng nhận đăng ký và Giấy chứng nhận bảo hiểm cho chị **Phạm Thị C** và bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

01 (Một) Giấy phép lái xe số 380094004541 đứng tên **Phạm Văn T**. Xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo nên trả lại Giấy phép lái xe cho bị cáo.

Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 (Một) đĩa DVD-R, chứa nội dung hỏi cung bị can đựng trong một phòng bì màu trắng đã được đóng dấu và chữ ký của những người liên quan.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với cháu **Bùi Việt H1** khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông không có Giấy phép lái xe, không có Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô - xe gắn máy, chưa đủ tuổi điều khiển xe mô tô theo quy định. Do cháu **Bùi Việt H1** đã chết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N** không xem xét xử lý là có căn cứ.

[10] Đối với chị **Phạm Thị C**, trú tại **thôn B, xã M, huyện N**, (mẹ đẻ của **Bùi Việt H1**) là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-363.43, khi **H1** lấy xe mô tô đi chị **C** không biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt Phạm Văn T 03 (Ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 và Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của BLHS.

Xử lý vật chứng, tài liệu: Áp dụng Điều 106 BLTTHS: Trả lại 01 (Một) Giấy phép lái xe số 380094004541 cho bị cáo Phạm Văn T.

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, chị C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- CQĐT CA huyện Ngọc Lặc;
- CQTHAHS CA huyện Ngọc Lặc;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Thịnh